

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số ..../TTr-SCT ngày tháng năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương

trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Công thương (Vụ pháp chế, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1<sup>BT</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Quang Ngọc**

**QUY ĐỊNH**

**Về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận *(sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn)*.

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Tổ chức dịch vụ khuyến công gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; Tổ chức dịch vụ khuyến công khác theo quy định tại Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

2. Đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức dịch vụ khuyến công, lập đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Đơn vị phối hợp là tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác triển khai

thực hiện Đề án khuyến công.

4. Đơn vị thụ hưởng là các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai Đề án khuyến công.

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công**

1. Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công phải đúng theo quy định của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công từ ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

#### **Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công**

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG**

#### **Điều 6. Xây dựng, phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn**

1. Căn cứ quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh và nội dung hỗ trợ về khuyến công, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 05 năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Năm cuối thực hiện chương trình khuyến công giai đoạn 05 năm, Sở Công Thương xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn tiếp theo.

2. Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công địa phương giai đoạn của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm.

#### **Điều 7. Xây dựng dự toán kinh phí và kế hoạch khuyến công địa phương**

1. Trước ngày 10 tháng 8 hằng năm, Sở Công Thương gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh xây dựng, đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công của năm sau.

2. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 quy định này, có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công đăng ký với Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường.

Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công trên địa bàn theo Mẫu số 1, Phụ lục 1, Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, báo cáo UBND cấp xã và gửi Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 9 của năm trước liền kề năm kế hoạch.

3. Tổ chức dịch vụ khuyến công tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh, báo cáo Sở Công Thương trước 01 tháng 9 của năm trước liền kề năm kế hoạch để tổng hợp chung thành dự toán kinh phí khuyến công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định.

4. Căn cứ chương trình khuyến công địa phương giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và dự toán kinh phí được giao, Đơn vị thực hiện đề án chủ trì xây dựng đề án chi tiết, kế hoạch khuyến công địa phương (trong đó đưa ra nội dung, tiến độ thực hiện và dự kiến kết quả đạt được) báo cáo Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

### **Điều 8. Nguyên tắc lập đề án khuyến công**

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Điều 4 Quy định này và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số ..../2026/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công từng giai đoạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **Điều 9. Nội dung cơ bản đề án khuyến công**

Đề án khuyến công có những nội dung chính sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

6. Dự toán kinh phí: Xác định tổng chi phí cho Đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân

thụ hưởng; nguồn khác (nếu có).

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

### **Điều 10. Quy trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án**

1. Trên cơ sở hồ sơ đề án đề nghị hỗ trợ của Đơn vị thực hiện đề án, Sở Công Thương quyết định thành lập Tổ thẩm định để tổ chức thẩm định các đề án khuyến công. Trong quá trình thẩm định, Sở Công Thương lấy ý kiến Sở, ngành có liên quan (nếu cần thiết) đối với các đề án.

a) Hồ sơ đề án khuyến công gồm:

Đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 8 Quy định này; Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (*đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng*); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Tờ khai xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa (*đối với doanh nghiệp*); Báo cáo tài chính (nếu có); Danh sách lao động tham gia bảo hiểm xã hội/Thông báo kết quả đóng Bảo hiểm xã hội (nếu có); Các tài liệu kèm theo đối với một số dạng Đề án áp dụng Danh mục các tài liệu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

b) Thời gian thẩm định: Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ*).

2. Sở Công Thương hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp thành kế hoạch khuyến công địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định trong thời gian 10 ngày làm việc và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, Sở Công Thương ký hợp đồng với các đơn vị thực hiện đề án để triển khai thực hiện nội dung được hỗ trợ; thông báo bằng văn bản nếu nội dung không được hỗ trợ.

4. Đơn vị thực hiện đề án phối hợp với các cơ sở công nghiệp nông thôn và tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có) triển khai thực hiện các đề án khuyến công theo đúng quy định.

## **Chương III**

### **TẠM ÚNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 11. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công**

1. Việc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí phải căn cứ vào hợp đồng thực hiện đề án, phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tại Quy định

này.

2. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan có thẩm quyền; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

5. Các tổ chức, cá nhân phải hoàn trả nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

### **Điều 12. Tạm ứng kinh phí**

1. Việc tạm ứng kinh phí khuyến công được áp dụng theo các quy định tại Điều 13, Điều 14 Chương III Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

2. Trường hợp hợp đồng thực hiện đề án khuyến công không quy định về tạm ứng thì thực hiện thanh toán một lần sau khi đề án hoàn thành, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

### **Điều 13. Chứng từ chi**

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành, theo quy định cụ thể tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

### **Điều 14. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí**

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định nhưng không được chậm quá thời gian theo thông báo của Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, việc thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc đã thực hiện và khối lượng được nghiệm thu. Hồ sơ để thanh lý hợp đồng trong trường hợp này gồm văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án, chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện và biên bản nghiệm thu.

**Điều 15. Hồ sơ thanh quyết toán**

Hồ sơ quyết toán từng đề án khuyến công địa phương bao gồm:

1. Hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương.
2. Biên bản nghiệm thu cơ sở áp dụng theo Mẫu số 5a hoặc Mẫu số 5b, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư số 17/2018/TT-BCT.
3. Hóa đơn tài chính; các hồ sơ, tài liệu, chứng từ có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án khuyến công.

**Chương IV****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân****1. Sở Công Thương**

Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp xã xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hằng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Lập dự toán kinh phí khuyến công phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương.

d) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công đảm bảo phù hợp với Chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hằng năm đã được phê duyệt.

đ) Theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đơn vị thực hiện đề án khuyến công.

e) Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

g) Là đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của địa phương.

**2. Sở Tài chính**

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công hằng năm do Sở Công Thương lập, báo cáo UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Thẩm định nội dung chi, mức chi các nhiệm vụ, đề án khuyến công theo đề nghị của Sở Công Thương, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện đề án khuyến công.

d) Thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí khuyến công hằng năm của Sở Công Thương.

### 3. UBND các xã, phường

a) Phối hợp Sở Công Thương xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn trên địa bàn tỉnh và kế hoạch khuyến công hằng năm.

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tuyên truyền, phối hợp với Đơn vị thực hiện đề án hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hoàn thiện hồ sơ đăng ký kế hoạch hằng năm; xem xét lựa chọn, lập danh sách các nội dung và tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn.

### 4. Đơn vị thực hiện đề án

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh.

b) Quan hệ, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công.

c) Là đơn vị trực tiếp thực hiện đề án hỗ trợ từ kinh phí khuyến công, có trách nhiệm hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; tiếp nhận, tổng hợp xây dựng đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức triển khai thực hiện Đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

đ) Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện các đề án khuyến công với Sở Công Thương; thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án.

g) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

### 5. Đơn vị thụ hưởng từ nguồn kinh phí khuyến công

a) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ; phối hợp với Đơn

vị thực hiện đề án báo cáo kết quả sau khi thực hiện đề án. Trong trường hợp không thể thực hiện được đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án.

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về Đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh. Trường hợp sử dụng sai mục đích, làm thất thoát kinh phí, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.